

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-9-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Quy.

Bà Trần Thị Hồng Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Lan Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn P, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký thường trú: 103, ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị Thùy T, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký thường trú: 103, ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Tổ F, Ấp F, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Thùy T tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 - 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bà T bỏ nhà đi và có quan

hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Đến năm 2023, bà T quay về và ông ra ngoài thuê trọ sinh sống cho đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn bà T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 10/02/1995, Phạm Đăng Hoài T2, sinh ngày 14/01/2000 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/11/2007. Đối với cháu T1 và cháu T2 đã thành niên và có khả năng lao động. Bà T cho rằng cháu T1 bị tâm thần, không có khả năng lao động là không đúng. Hình ảnh bà T cung cấp là do lần đó cháu T3 bị nặng nên xích lại nhưng hiện tại đã bình thường.

Ly hôn, ông yêu cầu nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông cấp dưỡng thì ông đồng ý. Hiện nay, ông đang làm công nhân Nông trường L, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Theo bản tự khai ngày 10/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn P tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc do vấn đề kinh tế gia đình, ông P không có trách nhiệm với gia đình, con cái nhưng vì con mà bà cố gắng chung sống. Từ khoảng năm 2015, bà thường xuyên đi chơi với bạn bè nhưng bà vẫn đi làm và chăm lo cho gia đình, con cái. Bà và ông P cũng không trao đổi bàn bạc để giải quyết vấn đề mâu thuẫn, đã ly thân từ lâu. Ông P yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 10/02/1995, Phạm Đăng Hoài T2, sinh ngày 14/01/2000 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/11/2007. Đối với cháu T2 đã thành niên và có khả năng lao động, đối với cháu T1 bị bệnh loạn thần, không có khả năng lao động. Trước đây, cháu T1 có sử dụng ma túy dẫn đến loạn thần, bà có đưa đi khám bệnh thì bác sỹ cho rằng cháu bị loạn thần nhưng không điều trị, hiện bà chỉ mua thuốc bên ngoài cho cháu T1 uống kiểm soát cơn bệnh. Bà chỉ cung cấp được giấy xác nhận của Công an xã B về tình trạng của cháu T1, bà yêu cầu đưa cháu T1 đi giám định tâm thần. Hiện nay cháu T1 cũng không có tài sản nào khác để tự nuôi sống bản thân.

Ly hôn, bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nhưng ông P tự nguyện cấp dưỡng và phải có trách nhiệm với con. Hiện nay, bà đang buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định

của pháp luật tổ tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phạm Văn P yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý ly hôn với ông P, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho ông P ly hôn bà T; Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 10/02/1995, Phạm Đăng Hoài T2, sinh ngày 14/01/2000 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/11/2007. Xét thấy, ông P và bà T đều có yêu cầu nuôi dưỡng cháu N. Cháu N đang do bà T nuôi dưỡng và có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà T. Tại phiên tòa, ông P đồng ý giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị xử giao cháu N cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Đối với Phạm Thanh T1 đã thành niên, bà T cho rằng T1 bị bệnh loạn thần, không có khả năng lao động, ông P cho rằng bà T trình bày không đúng. Tòa án đã thông báo cho bà T về việc yêu cầu tuyên bố T1 mất năng lực hành vi dân sự hoặc giám định khả năng lao động đối với T1 nhưng bà T không thực hiện nên không có căn cứ giải quyết. Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mà để ông P tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Đặng Thị Thùy T, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đặng Thị Thùy T, đăng ký thường trú tại: 103, ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, đang sinh sống tại: Tổ F, Ấp F, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đặng Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn P và bà Đặng Thị Thùy T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 1994, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/1994 ngày 22/9/1994 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông P và bà T đều thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, ly thân thời gian dài, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Ông P yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý ly hôn nhưng bà T vắng mặt nên không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông P và bà T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông P đối với bà T, xử cho ông P được ly hôn bà T.

Về con chung: Ông P và bà T có 03 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 10/02/1995, Phạm Đăng Hoài T2, sinh ngày 14/01/2000 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/11/2007. Ông P có yêu cầu nuôi dưỡng cháu N, đối với cháu T1 và cháu T2 đã thành niên và có khả năng lao động; Bà T cho rằng cháu T1 bị bệnh loạn thần, không có khả năng lao động nên bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và cháu T1. Xét thấy, đối với cháu N đến thời điểm Tòa án xét xử chưa thành niên, hiện đang sống chung với bà T và cháu có nguyện vọng sống với bà T. Tại phiên tòa, ông P đồng ý giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng bà T vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận. Đối với cháu T1, Tòa án đã thông báo cho bà T về việc làm thủ tục tuyên bố cháu T1 mất năng lực hành vi dân sự hoặc giám định khả năng lao động nhưng bà T không yêu cầu, không thực hiện thủ tục nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu N cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu T1, sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu đương sự có đơn yêu cầu đúng quy định.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Đặng Thị Thùy T nên ông P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015331 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (ông P đã nộp đủ).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn P đối với bị đơn bà Đặng Thị Thùy T về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho ông Phạm Văn P được ly hôn bà Đặng Thị Thùy T.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T1, sinh ngày 10/02/1995, Phạm Đăng Hoài T2, sinh ngày 14/01/2000 và Phạm Minh N, sinh ngày 18/11/2007.

Xử giao cháu Phạm Minh N, sinh ngày 18/11/2007 cho bà Đặng Thị Thùy T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông P, bà T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015331 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Ông P đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã Bình Sơn (huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Quy Trần Thị Hồng P1 Đào Minh H